

Bản án số: 17/2018/DS-ST

Ngày 14/11/2018

*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh

Bà Vũ Thị Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tân Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước**  
**Tm gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hùng Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2018, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST – DS ngày 01/11/2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Phạm Thị H, sinh năm 1967

*Bị đơn:* Phạm Hồng T, sinh năm 1956

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Văn K, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: Tổ 3, khu phố BT, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

(Ông Nguyễn Văn K đã ủy quyền cho bà Phạm Thị H tại giấy ủy quyền ngày 25/10/2018)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và lời trình bày của nguyên đơn Phạm Thị H tại tòa thì: Bà Phạm Hồng T có vay tiền của Phạm Thị H nhiều lần, cụ thể như sau:

Năm 2014 bà Phạm Hồng T có ứng tiền của bà Phạm Thị H 2 lần, một lần 3.000.000đ (ba triệu đồng), một lần 2.000.000đ (hai triệu đồng) theo hình thức nhận tiền trước rồi tới mùa tiêu thì bà T cân tiêu trả cho bà H. Nhưng tới mùa tiêu thì bà T không có tiêu nên thỏa thuận với bà H chuyển qua tiền nợ.

Cũng trong năm 2014 bà T vay của bà H hai lần, tổng cộng 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).

Do bà T không có tiền trả nợ nên ngày 10/01/2015 (âm lịch) nên hai bên thỏa thuận cộng tất cả các khoản nợ để ghi thành một giấy nợ với số tiền nợ gốc là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) và bà T phải trả lãi 4%/tháng, thời hạn trả nợ gốc là một năm.

Tổng cộng bà T đã trả nợ lãi cho bà H được 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng). Trong đó năm 2016 trả 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng), năm 2017 trả 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) và năm 2018 trả 500.000đ (năm trăm ngàn đồng).

Bà Phạm Thị H yêu cầu tòa án buộc bà Phạm Hồng T phải trả nợ cho bà 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) nợ gốc, không yêu cầu bà T phải trả nợ lãi.

Tại bản tự khai, biên bản đối chất, và lời trình bày của bị đơn Phạm Hồng T thì: Năm 2014 bà T có vay của bà H 10.000.000đ (mười triệu đồng), mục đích vay để đảo hạn ngân hàng, sau khi vay hai ngày bà T đã trả cho bà H 8.000.000đ (tám triệu đồng), còn nợ lại 2.000.000đ (hai triệu đồng), từ đó bà H tính lãi 4%/tháng đối với số nợ 2.000.000đ, tới cuối năm 2014 bà H tính lãi cộng vào gốc thành 5.000.000đ (năm triệu đồng). Tới ngày 10/01/2015 bà H yêu cầu bà T viết giấy nợ tổng cộng 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) và tính lãi 4%/tháng, thời hạn trả nợ là một năm tính từ ngày viết giấy nợ. Tại phiên tòa bà T Ty đổi lời khai, cụ thể là về thời gian vay tiền, bà T cho rằng mình vay tiền của bà H vào năm 2012 chứ không phải vay trong năm 2014 như lời trình bày trước đây.

Về tiền lãi bà T trình bày là đã trả lãi cho bà H tổng cộng 7.000.000đ (bảy triệu đồng), cụ thể: Năm 2015 trả 2.000.000đ (hai triệu đồng), năm 2016 trả 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng), năm 2017 trả 6 lần, mỗi lần trả 500.000đ (năm trăm ngàn đồng), năm 2018 trả 500.000đ (năm trăm ngàn đồng).

Bà T không đồng ý trả nợ cho bà H 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) như bà H yêu cầu. Bà T chỉ đồng ý trả thêm cho bà H số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng theo quy định về thẩm quyền; quá trình giải quyết những người tiến hành tố tụng và người Tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của bà Phạm Thị H buộc bà Phạm Hồng T phải trả khoản nợ 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Tranh chấp giữa bà Phạm Hồng T và bà Phạm Thị H là tranh chấp hợp đồng, căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Quan hệ vay tài sản giữa bà Phạm Thị H và bà Phạm Hồng T phát sinh trước năm 2016 thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật, nên quyền và nghĩa vụ của các bên được điều chỉnh bởi Bộ luật

dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về nội dung tranh chấp: Giữa bà Phạm Thị H với bà Phạm Hồng T có xác lập một giấy nợ, thể hiện bà T vay của bà H số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), thời hạn trả nợ là một năm, lãi suất 4%/tháng. Như vậy hai bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản, có lãi, xác định thời hạn trả nợ, tuân thủ Điều 471 và Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005. Theo đó bên vay tiền phải có nghĩa vụ trả nợ khi hết thời hạn vay. Cho đến nay bên vay chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm cam kết, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay. Vì vậy bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ là phù hợp pháp luật.

Về số tiền vay: Bà T cho rằng ban đầu bà chỉ vay của bà H 10.000.000đ (mười triệu đồng), sau khi vay 2 ngày thì trả 8.000.000đ (tám triệu đồng) còn nợ lại 2.000.000đ (hai triệu đồng), bà H tính lãi 4%/tháng đối với số tiền vay 2.000.000đ (hai triệu đồng), tới ngày 10/01/2015 (âm lịch) thì tính lãi cộng vào gốc thành 18.000.000đ (mười tám triệu đồng). Sau khi tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bà T nộp một bản kê khai với nội dung kê khai việc tính lãi nhập vào gốc từ số tiền gốc ban đầu là 2.000.000đ (hai triệu đồng) thành tổng cộng là 18.380.000đ (mười tám triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng). Tuy nhiên bản kê khai này do bà T tự kê khai theo ý mình mà không có sự thừa nhận của bà H, nội dung kê khai tính lãi nhập vào gốc trong thời gian 6 năm là không phù hợp với lời khai của hai bên là *vay nợ trong năm 2014, viết giấy nợ vào ngày 10/01/2015 (âm lịch)* tức từ khi vay tiền đến khi lập giấy nợ có thời gian tối đa chỉ là một năm, còn theo lời khai của bà T tại phiên tòa là vay tiền vào năm 2012 thì thời gian từ khi vay tới ngày lập giấy nợ tối đa là 3 năm. Vì vậy bản kê khai này không có giá trị chứng cứ, tòa án xác định bà Phạm Hồng T vay của bà Phạm Thị H 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) nợ gốc.

Đối với thỏa thuận về lãi suất: Các bên thỏa thuận về tiền lãi 4%/tháng là cao hơn quy định của pháp luật về lãi suất cho vay. Bà T cho rằng đã trả lãi cho bà H tổng cộng là 7.000.000đ (bảy triệu đồng) nhưng không chứng minh được, vì vậy tòa chấp nhận lời khai của bà H là bà T đã trả lãi được 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng). Phía bà H cũng không yêu cầu bà T phải trả thêm tiền lãi và hai bên không ai yêu cầu tính lại lãi suất nên tòa không xét.

Do bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng, khoản tiền cho bà T vay cũng là tài sản chung của vợ chồng bà H. Vì vậy bà T phải trả nợ cho vợ chồng bà Phạm Thị H ông Nguyễn Văn K là phù hợp.

Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Bà Phạm Hồng T có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu tiền án phí trên số nợ phải trả, cụ thể là: 18.000.000 đồng x 5% = 900.000 đồng. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà H.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 471, 478 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;  
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung tranh chấp: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H, buộc bà Phạm Hồng T phải trả nợ cho bà Phạm Thị H ông Nguyễn Văn K 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

2. Về án phí: bà Phạm Hồng T phải chịu 900.000đ (chín trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Phạm Thị H 450.000đ (bốn trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004274, Quyền số 00086 ngày 13/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**  
(đã ký)

Nơi gửi:

-TAND tỉnh Bình Phước  
-VKSND TX Bình Long.  
-Chi cục TDS TX Bình Long.  
-Các đương sự.  
-Lưu hồ sơ.

**Phạm Bình**